TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/KDTM-PT
Ngày 03-10-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chum

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật

Ông Phan Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Ông Trần Văn Bé – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 30/2023/TLPT-KDTM ngày 04/8/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐPT-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (viết tắt TMCP) Bưu điện L; địa chỉ: toà nhà C, 109 T2, phường C1, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Ngô Xuân T3 – Tổ trưởng Tổ khách hàng cá nhân; địa chỉ: khu P1, phường P2, thị xã P3, tỉnh Bình Phước (văn bản ủy quyền số 453/2022/QĐ-LPB.BD ngày 23/9/2022); có mặt.

2. Bà Lê Thị Mai L - nhân viên phòng xử lý nợ phía Nam; địa chỉ: số 2A N, phường Đ, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 453/2022/QĐ-LPB.BD ngày 23/9/2022); vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) T4; địa chỉ: D230, đường Nguyễn Đức T5, tổ 73, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Trần Mậu T6, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Vũ Thanh Q; Luật sư Văn phòng Luật sư T7; 277/51, đường T8, phường T8, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Mậu T6, sinh năm 1966;

2. Bà Lê Thị Tuyết P, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Số 693 (C92 cũ), Đại lộ B , tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông Trần Mậu T6, sinh năm 1966, địa chỉ: số 693 (C92 cũ), Đại lộ B , tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (văn bản uỷ quyền ngày 28/9/2022); có mặt.

3. Bà Diệp Thị Lan H, sinh năm 1942. Địa chỉ: số 260, đường 30/4, tổ 10, khu 12, phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Hương: Ông Trần Mậu T6, sinh năm 1966, địa chỉ: Số 693 (C92 cũ), Đại lộ B , tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (văn bản uỷ quyền ngày 06/01/2023); có mặt.

4. Bà Lê Thị Tuyết A, sinh năm 1962; địa chỉ: số 66, đường số 01, Khu biệt thự P1, tổ 75, khu phố 6, phường Phú Thọ, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Anh: ông Trần Mậu T6, sinh năm 1966, địa chỉ: số 693 (C92 cũ), Đại lộ B , tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (văn bản uỷ quyền ngày 28/9/2022); có mặt.

5. Bà Trần Thị T9, sinh năm 1957; địa chỉ: 689, Đại lộ B , tổ 61, khu 4, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (số cũ: K6/C95 tổ 63); có mặt.

6. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955; địa chỉ: 689, Đại lộ B , tổ 61, khu phố 4, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (số cũ: K6/C95 tổ 63); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông Trần Mộng N, sinh năm 1969; địa chỉ: số 740, tổ 63, đường C, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

8. Bà Trần Siếu H1, sinh năm 1958; địa chỉ: số 691, tổ 63, Đại lộ B , phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; có mặt.

9. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1961; địa chỉ: số 19, đường C, tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Bà Trần Thị X, sinh năm 1964; địa chỉ: số 681, Đại lộ B, tổ 61, khu 4, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; có mặt.

11. Ông Nguyễn Hữu T10, sinh năm 1982; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thanh T11, sinh năm 1983; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

13. Bà Ngô Thùy D, sinh năm 1986; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 689, Đại lộ B , khu 4, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

14. Bà Vũ Thị K, sinh năm 1981; địa chỉ: số 685, Đại lộ B , khu 4, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

15. Bà Huỳnh Thị Mỹ T12, sinh năm 1969; có mặt.

16. Ông Trần Huỳnh Duy K, sinh năm 1994; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

17. Bà Trần Huỳnh Uyển N, sinh năm 2000; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 21, đường C, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

18. Bà Trần Lê Yến P, sinh năm 1992; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

19. Bà Trần Lê Yến T13, sinh năm 2000; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 693 (C92 cũ), Đại lộ B , tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

20. Ông Trần Lê Thiên P3, sinh năm 2003; địa chỉ: số 693 (C92 cũ), Đại lộ B , tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông P3: ông Trần Mậu T6, sinh năm 1966, địa chỉ: số 693 (C92 cũ), Đại lộ B , tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (văn bản uỷ quyền ngày 13/3/2023); có mặt.

21. Bà Lê Thị Tuyết V, sinh năm 1968;

22. Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1964;

23. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1973;

24. Ông Lê Trung H4, sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ: số 260, đường 30/4, phường C1, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà V, bà M, bà H3, ông H4: ông Trần Mậu T6, sinh năm 1966, địa chỉ: số 693 (C92 cũ) Đại lộ B , tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (văn bản uỷ quyền ngày 13/3/2023); có mặt.

25. Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ T14, địa chỉ: số 260, đường 30/4, phường C3, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của công ty: ông Trần Mậu T6, sinh năm 1966, địa chỉ: số 693 (C92 cũ), Đại lộ B , tổ 63, khu phố 6, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Công ty TNHH T4

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Ngô Xuân T và bà Lê Thị Mai L thống nhất trình bày:

Ngày 28/10/2020, Ngân hàng TMCP Bưu điện L – Chi nhánh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Bưu điện L) và Công ty TNHH T4 (sau đây gọi tắt là Công ty T4) ký Hợp đồng tín dụng số HDTD540202000291, cùng các Phụ lục hợp đồng số PL01HDTD540202000291 ngày 13/11/2020, PL02HDTD540202000291 ngày 27/7/2021, PL03HDTD540202000291 ngày 27/01/2022, số tiền vay 120.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động; chiết khấu bộ chứng từ và mở L/C

nhập khẩu phục vụ hoạt động kinh doanh hạt điều, thời hạn vay 12 tháng. Tính đến ngày 28/7/2022, dư nợ của Công ty T4 là 87.685.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên của Công ty T4, các hợp đồng thế chấp được ký kết gồm:

1. Bà Trần Siếu H1, bà Trần Thị T9, bà Trần Thị H2, bà Trần Thị X đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 24 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BY 682329, số vào sổ: CH06344 cấp ngày 10/07/2015, cập nhật thay đổi ngày 07/02/2018 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 387-18/HĐTC-BD ngày 06/3/2019 đã được ký tại Văn phòng C Nguyễn Văn P; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 387-18/PL01/HĐTC-BD ngày 22/11/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 387-18/PL02/HĐTC-BD ngày 04/08/2020; việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố T1, tỉnh Bình Dương, chứng nhận vào ngày 07/3/2019.

2. Ông Trần Mộng N đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 24 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN 143949, số vào sổ: CS11172 cấp ngày 29/01/2019 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4. Tài sản này đã được ký hợp thế chấp tại Văn phòng C Nguyễn Văn P (nay là Văn phòng C Đào Thị C), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 044-19/HĐTC-BD ngày 20/3/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 044-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/3/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 044-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020; việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố T1, tỉnh Bình Dương, chứng nhận vào ngày 20/3/2019.

3. Ông Trần Mộng N và ông Trần Mậu T6 đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 24 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN 143947 và CN143948, số vào sổ: CS11171 cấp ngày 27/02/2019 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4. Tài sản này đã được ký hợp đồng thế chấp tại Văn phòng C Nguyễn Văn P (nay là Văn phòng C Đào Thị C) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 045-19/HĐTC-BD ngày 20/3/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 045-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/3/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 045-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020; việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ Thành phố T1, tỉnh Bình Dương, chứng nhận vào ngày 20/03/2019.

4. Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị T9 đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại K6/C95, Đại lộ B , phường H, thị xã T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 120352, hồ sơ gốc số 626/GCN/2002 do CƠ QUAN U tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/09/2002 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 143-19/HĐTC-BD ngày 07/08/2019 tại Văn phòng C Trương Lê Nguyên T14; việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố T1, tỉnh Bình Dương, chứng nhận vào ngày 07/8/2019.

5. Ông Trần Mậu T6 và bà Lê Thị Tuyết P đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 512,2m^2 thuộc thửa đất số 1129, tờ bản đồ 06-1 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, số vào sổ: CH08147 cấp ngày 26/12/2016 cho bà Lê Thị Tuyết P để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC540202000203 ngày 04/11/2020 đã được ký kết tại Văn phòng C T; việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ Thành phố T1, tỉnh Bình Dương, chứng nhận vào ngày 04/11/2020.

6. Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị T9 đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 605, tờ bản đồ số 26-3 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành số CS 259913, số vào sổ: CS14025 cấp ngày 19/12/2019 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260-19/HĐTC-BD ngày 30/12/2019 được ký kết tại Văn phòng C Nguyễn Văn P (nay là Văn phòng C Đào Thị C) Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 260-19/PL01/HĐTC-BD ngày 28/10/2020; việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ Thành phố T1, tỉnh Bình Dương, chứng nhận vào ngày 31/12/2019.

7. Bà Diệp Thị Lan H đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 15 tại số 260, đường 30/4, phường C2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất ở số 747182575320112, hồ sơ gốc số 443/GCN/2007 do CƠ QUAN U thị xã T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/7/2007, cập nhật thay đổi ngày 30/9/2016 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 65 (87) và thửa 66, tờ bản đồ số 15 tại phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U886737, số vào sổ: 00063/QSDĐ/H cấp ngày 15/4/2002, cập nhật thay đổi ngày 16/4/2007, ngày 30/9/2016 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 079-20/HĐTC-BD ngày 19/5/2020 được ký kết tại Văn phòng CT; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 079-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020; việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ Thành phố T1, tỉnh Bình Dương, chứng nhận vào ngày 19/05/2020.

8. Bà Lê Thị Tuyết A đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 77 tại phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 480737, số vào sổ: CS07349 cấp ngày 15/3/2018, cập nhật thay đổi ngày 21/03/2018 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62(86), tờ bản đồ số 15 tại khu phố 12, phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số U896977, số vào sổ: 00069/QSDĐ/H cấp ngày 29/4/2002, cập nhật thay đổi ngày 03/11/2017, ngày 18/12/2017, ngày 21/12/2017 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 080-20/HĐTC-BD ngày 19/5/2020 được ký kết tại Văn phòng CT; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 080-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020; việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố T1, tỉnh Bình Dương, chứng nhận vào ngày 19/5/2020.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, trong trường hợp bên vay không trả nợ gốc, nợ lãi đúng hạn thì lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm áp dụng lãi suất quá hạn.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, Công ty T4 đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Kể từ khi Công ty T4 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện thực hiện cơ cấu nợ, kéo dài thời gian vay nhưng Công ty T4 vẫn cố tình không trả dứt nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Bưu điện L khởi kiện yêu cầu Công ty T4 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD540202000291 ngày 28/10/2020, phụ lục hợp đồng số PL01HDTD540202000291 ngày 13/11/2020, PL02HDTD540202000291 ngày 27/07/2021, PL03HDTD540202000291 ngày 27/01/2022, cụ thể tổng số tiền Công ty T4 phải trả tính đến ngày 24/5/2023:

- Tiền nợ gốc: 87.684.999.916 đồng;

- Lãi trong hạn: 6.991.722.022 đồng, lãi quá hạn: 11.120.989.955 đồng;

- Lãi phạt: 453.820.890 đồng;

Tổng cộng: 106. 251.532.783 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán tiền vay, Công ty T4 phải chịu lãi suất theo quy định của Hợp đồng tín dụng HDTD540202000291 ngày 28/10/2020, phụ lục hợp đồng số PL01HDTD540202000291 ngày 13/11/2020, PL02HDTD540202000291 ngày 27/07/2021, PL03HDTD540202000291 ngày 27/01/2022 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay.

Ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty T4 không thanh toán tiền vay hoặc chỉ thanh toán được một phần khoản vay theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký thì Ngân hàng Bưu điện L được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thực hiện các nghĩa vụ của Công ty T4 tại Ngân hàng Bưu điện L, Công ty T4 phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại.

Bị đơn Công ty TNHH T4 do ông Trần Mậu T6 đại diện trình bày: Thống nhất phần trình bày của Ngân hàng về việc ký hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng với Ngân hàng và số tiền nợ gốc 87.684.999.916 đồng nhưng chỉ đồng ý thanh toán 85% tiền nợ gốc và đề nghị ngân hàng không tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi phạt trong suốt thời gian dịch Covid 19 bùng phát từ tháng 5/2021 cho đến thời điểm hiện nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T9, bà Trần Siếu H1, bà Trần Thị Huôi và bà Trần Thị Xiếu thống nhất trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của đại diện hợp pháp Ngân hàng Bưu điện L, thừa nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 387-18/HĐTC-BD ngày 06/3/2019 đã được ký tại Văn phòng C Nguyễn Văn P; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 387-18/PL01/HĐTC-BD ngày 22/11/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 387-18/PL02/HĐTC-BD ngày 04/8/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260-19/HĐTC-BD ngày 30/12/2019 được ký kết tại Văn phòng C Nguyễn Văn P (nay là Văn phòng C Đào Thị C); Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 260-19/PL01/HĐTC-BD ngày 28/10/2020

Do tình hình kinh doanh của Công ty T4 gặp khó khăn nên không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, đề nghị ngân hàng xem xét, tạo điều kiện về thời gian và xin được trả nợ gốc của tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty T4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Mộng N trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của đại diện hợp pháp Ngân hàng Bưu điện L, thừa nhận Hợp đồng thế chấp tại Văn phòng C Nguyễn Văn P (nay là Văn phòng C Đào Thị C), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 045-19/HĐTC-BD ngày 20/03/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 045-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/03/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 045-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020 do Trần Mộng N và ông Trần Mậu T6 đã tự nguyện thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 24, tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN 143947 và CN143948, số vào sổ: CS11171 cấp ngày 27/02/2019 cho ông N và ông T4 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4. Phần đất trên ông N hiện đang sử dụng để làm lò bánh mì do chính ông N trực tiếp kinh doanh.

Ngoài ra, ông N cũng đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 24, tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN 143949, số vào sổ: CS11172 cấp ngày 29/01/2019 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 044-19/HĐTC-BD ngày 20/03/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 044-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/3/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 044-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020 được ký kết tại Văn phòng C Nguyễn Văn P (nay là Văn phòng C Đào Thị C). Phần đất này ông N cùng vợ con là bà Huỳnh Thị Mỹ T12, Trần Huỳnh Duy K và Trần Huỳnh Uyển N đang sinh sống.

Do tình hình kinh doanh của Công ty T4 gặp khó khăn nên không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, đề nghị ngân hàng xem xét, tạo điều kiện về thời gian và xin được trả nợ gốc của tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty T4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Mỹ T12, ông Trần Huỳnh Duy K, bà Trần Huỳnh Uyển N trình bày: Thống nhất ý kiến và trình bày của ông N .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Mậu T6 trình bày: Thống nhất trình bày của ông N về việc ông N và ông T4 đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 24, tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN 143947 và CN143948, số vào sổ: CS11171 cấp ngày 27/02/2019 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4. Hiện nay, do tình hình kinh doanh của Công ty T4 gặp khó khăn nên không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, đề nghị ngân hàng xem xét, tạo điều kiện về thời gian và xin được trả nợ gốc của tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty T4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị T9 thống nhất trình bày: Thống nhất trình bày của đại diện nguyên đơn về việc đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại K6/C95, Đại lộ B , phường H, thị xã T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 120352, hồ sơ gốc số 626/GCN/2002 do CƠ QUAN U tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/09/2002 để đảm

bảo cho khoản vay của Công ty T4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 143-19/HĐTC-BD ngày 07/8/2019 tại Văn phòng C Trương Lê Nguyên Thảo; việc thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố T1, tỉnh Bình Dương, chứng nhận vào ngày 07/8/2019. Do tình hình kinh doanh của Công ty T4 gặp khó khăn nên không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, đề nghị ngân hàng xem xét, tạo điều kiện về thời gian và xin được trả nợ gốc của tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty T4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T10, bà Nguyễn Thanh T11, bà Ngô Thuỳ D trình bày: Thống nhất ý kiến và trình bày của ông Son, bà Thó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Mậu T6 và bà Lê Thị Tuyết P thống nhất trình bày: Ông T6, bà P đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 24, tại Phường H, thị xã T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BC 595079, số vào sổ: CH00838 do CƠ QUAN U thị xã T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/8/2010 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC540202000203 ngày 04/11/2020 đã được ký kết tại Văn phòng C T. Hiện nay, do tình hình kinh doanh của Công ty T4 gặp khó khăn nên không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, đề nghị được thanh toán nợ gốc, đề nghị ngân hàng không tính lãi suất quá hạn. Đối với lãi trong hạn thì xin giảm 60%.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Yến T13 và Trần Thị Yến P trình bày: Thống nhất ý kiến của ông T6 và bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Lê Thiên P3 do ông Trần Mậu T6 là người đại diện hợp pháp trình bày: Thống nhất ý kiến của ông T6.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị Lan H là ông Trần Mậu T6 trình bày: Thống nhất trình bày của đại diện nguyên đơn về việc đã tự nguyện dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 15 tại số 260 đường 30/4, phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất ở số 747182575320112, hồ sơ gốc số 443/GCN/2007 do CƠ QUAN U thị xã T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/7/2007, cập nhật thay đổi ngày 30/9/2016 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 65 (87) và thửa 66, tờ bản đồ số 15 tại phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U886737, số vào sổ: 00063/QSDĐ/H cấp ngày 15/4/2002, cập nhật thay đổi ngày 16/4/2007, ngày 30/9/2016 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4. Hiện nay, do tình hình kinh doanh của Công ty T4 gặp khó khăn nên không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, đề nghị được thanh toán nợ gốc, đề nghị ngân hàng không tính lãi quá hạn. Đối với lãi trong hạn thì xin giảm 60%.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết V, Lê Thị Tuyết M, Nguyễn Thị H3, Lê Trung H4 trình là ông Trần Mậu T6 trình bày: Các ông bà là con của bà Hương, ông, bà thống nhất ý kiến của ông T6.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết A là ông Trần Mậu T6 trình bày: Bà Lê Thị Tuyết A đã tự nguyện dùng tài sản

thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 77 tại phường C, thành phố T1, tỉnh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 480737, số vào sổ: CS07349 cấp ngày 15/3/2018, cập nhật thay đổi ngày 21/3/2018 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62 (86), tờ bản đồ số 15 tại khu 12, phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số U896977, số vào sổ: 00069/QSDĐ/H cấp ngày 29/4/2002, cập nhật thay đổi ngày 03/11/2017, ngày 18/12/2017, ngày 21/12/2017 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T4. Hiện nay, do tình hình kinh doanh của Công ty T4 gặp khó khăn nên không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, đề nghị được thanh toán nợ gốc, đề nghị ngân hàng không tính lãi quá hạn. Đối với lãi trong hạn thì xin giảm 60%.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T14 là ông Trần Mậu T6 trình bày: Thống nhất ý kiến ông T6.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị K trình bày: Bà K thuê mặt bằng của bà T9, bà H1, bà H2, bà X tại địa chỉ số 685, Đại lộ B, khu 4, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương với thời hạn là 05 năm (từ 2018 đến năm 2023). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà K không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp tài sản bị phát mãi thì bà K và người cho thuê đất sẽ tự giải quyết với nhau.

Bản án sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 24/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện L đối với Công ty TNHH T4.

1.1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc Công ty TNHH T4 phải trả cho Ngân hàng Bưu điện L số nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số HDTD540202000291 ngày 28/10/2020, cùng các phụ lục hợp đồng số PL01HDTD540202000291 ngày 13/11/2020, PL02HDTD540202000291 ngày 27/07/2021, PL03HDTD540202000291 ngày 27/01/2022 tính đến ngày 24/5/2023 là 106.251.532.783 đồng (một trăm lẻ sáu tỷ hai trăm năm mươi mốt triệu năm trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 87.684.999.916 đồng (tám mươi bảy tỷ sáu trăm tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm mười sáu đồng), lãi trong hạn: 6.991.722.022 đồng (sáu tỷ chín trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn không trăm hai mươi hai đồng), lãi quá hạn: 11.120.989.955 đồng (mười một tỷ một trăm hai mươi triệu chín trăm tám mươi chín nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng) và lãi phạt: 453.820.890 đồng (bốn trăm năm mươi ba triệu tám trăm hai mươi nghìn tám trăm chín mươi đồng).

1.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty TNHH T4 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Bưu điện L được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 505m^2, thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 26-3 tại tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260-19/HĐTC-BD ngày 30/12/2019, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 260-19/PL01/HĐTC-BD ngày 28/10/2020.

- Quyền sử dụng đất diện tích 102,10m^2 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 143-19/HĐTC-BD ngày 07/08/2019. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà kết cấu 01 trệt 01 lầu, tường gạch xây tô, mái tole, nền gạch men.

- Quyền sử dụng đất diện tích 288,2m^2, thuộc thửa đất số 207 tờ bản đồ số 24, tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 387-18/HĐTC-BD ngày 06/03/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 387-18/PL01/HĐTC-BD ngày 22/11/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 387-18/PL02/HĐTC-BD ngày 04/08/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch xây tô+vách tole, mái tole, nền gạch men.

- Quyền sử dụng đất diện tích 89,6 thuộc thửa đất số 216 tờ bản đồ số 24, tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 044-19/HĐTC-BD ngày 20/03/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 044-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/03/2020 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 044-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch xây, nền xi măng, mái tole; phía trước nhà có 01 mái che tole, cột sắt.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 177,3m^2 thuộc thửa đất số 217 tờ bản đồ số 24, tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 045-19/HĐTC-BD ngày 20/03/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 045-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/03/2020 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 045-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch xây tô, mái ngói, nền gạch men.

- Quyền sử dụng đất diện tích 150m^2 tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 15 tại số 260 đường 30/4, phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 079-20/HĐTC-BD ngày 19/05/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 079-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà kết cấu móng cột khung: gạch, nền gạch hoa, vách gạch, mái tole.

- Quyền sử dụng đất diện tích 154m^2 tại thửa đất số 65 (87) và thửa 66, tờ bản đồ số 15 tại phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 079-20/HĐTC-BD ngày 19/05/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 079-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 kết cấu mái tole, nền gạch men, tường gạch

- Quyền sử dụng đất diện tích 150m^2 tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 77 tại phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 080-20/HĐTC-BD ngày 19/05/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 080-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 kết cấu: Tường gạch, mái tole, nền gạch men.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62(86), diện tích 201m^2, tờ bản đồ số 15 tại khu 12, phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 080-20/HĐTC-BD ngày 19/05/2020, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 080-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà tiền chế kết cấu: cột sắt, kèo sắt, mái tole, nền gạch men.

- Quyền sử dụng đất diện tích 512,2m^2 thuộc thửa đất số 1129, tờ bản đồ 06-1 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đất số HĐTC540202000203 ngày 04/11/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp III diện tích xây dựng 201,71m^2, diện tích sàn 843,37m^2, kết cấu: tường gạch xây tô, nền gạch men, mái ngói. Xung quanh khu đất có tường rào, cổng xây cố định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 08/6/2023, bị đơn Công ty TNHH T4 kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Công ty T4 và Ngân hàng Bưu điện L có quan hệ hợp tác; vào tháng 10/2020 hai bên có ký hợp đồng tín dụng với hạn mức là 120.000.000.000 đồng; Công ty T4 đã thanh toán được hơn 100 tỷ. Khi giao kết hợp đồng, hai bên không biết đại dịch covid-19 sẽ bùng phát tại Việt Nam vào tháng 5/2021. Mặc dù áp dụng các biên pháp cần thiết nhưng Công ty T4 vẫn bị thiệt hại lớn về tài sản; Công ty T4 kinh doanh hạt điều để xuất khẩu sang nước ngoài nhưng số lượng hàng hóa nhiều, đã bị hư hỏng, phải tiêu hủy để bảo vệ môi trường; do đại dịch Covid-19 kéo dài từ đầu năm 2021 đến tháng 11/2021 đã ảnh hưởng mọi hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty T4, do đó công ty có sự chậm trễ không thực hiện được hợp đồng đúng hạn. Đại dịch Covid-19 là sự kiện bất khả kháng đã ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khoản 2 Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự".

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty T4.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đối với khoản nợ gốc số tiền 87.684.999.918 đồng mà nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả. Bị đơn thừa nhận khoản nợ gốc này nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền này là có căn cứ.

Đối với khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn số tiền (tính đến ngày 24/5/2023) gồm: lãi trong hạn số tiền 6.991.722.022 đồng; lãi quá hạn số tiền 11.120.989.955 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi này là có căn cứ.

Về xử lý các tài sản thế chấp: Những người có tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bị đơn thừa nhận có dùng tài sản của mình thế chấp hợp pháp đảm bảo khoản vay của bị đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, những người này không kháng cáo nên quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ

không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ.

Về khoản lãi phạt số tiền 453.820.890 đồng: Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn".*

Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả khoản lãi phạt số tiền 453.820.890 đồng nhưng được Tòa án sơ thẩm chấp nhận là trái quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP thuộc trường hợp "lãi chồng lãi".

Do đó, kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4 tuyên sửa bản theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên về việc trả tiền lãi phạt 453.820.890 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Hồ sơ vụ án thể hiện: ngày 28/10/2020, nguyên đơn Ngân hàng Bưu điện L và bị đơn Công ty T4 ký hợp đồng tín dụng số HTTD540202000291 cùng các phụ lục hợp đồng số PL01HDTD540202000291 ngày 13/11/2020, PL02HDTD540202000291 ngày 27/7/2021, PL03HDTD540202000291 ngày 27/01/2022, số tiền vay 120.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động; chiết khấu bộ chứng từ và mở L/C nhập khẩu phục vụ hoạt động kinh doanh hạt điều, thời hạn vay 12 tháng.

Quá trình tố tụng, các bên thừa nhận: Tính đến ngày 28/7/2022, dư nợ của Công ty T4 là 87.685.000.000 đồng. Để bảo đảm thực hiện hợp đồng vay, các bên ký các Hợp đồng thế chấp số 387-18/HĐTC-BD ngày 06/3/2019; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 387-18/PL01/HĐTC-BD ngày 22/11/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 387-18/PL02/HĐTC-BD ngày 04/8/2020; Hợp đồng thế chấp số 044-19/HĐTC-BD ngày 20/3/2019 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 044-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/03/2020, 044-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020; Hợp đồng thế chấp số 045-19/PL01/HĐTC-BD và các hợp đồng sửa đổi số 045-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/3/2020, số 045-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020; Hợp đồng thế chấp số 143-19/HĐTC-BD ngày 07/8/2019; Hợp đồng thế chấp số 044-19/HĐTC-BD ngày 07/8/2019 và các hợp đồng sửa đổi số 044-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/3/2020, số 044-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020; Hợp đồng thế chấp số 045-19/HĐTC-BD ngày 20/3/2019 và các Hợp đồng sửa đổi số 045-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/3/2020,

số 045-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020; Hợp đồng thế chấp số 143-19/HĐTC-BD ngày 07/8/2019; Hợp đồng thế chấp số HĐTC540202000203 ngày 04/11/2020; Hợp đồng thế chấp số 260-19/HĐTC-BD ngày 30/12/2019 và Hợp đồng sửa đổi số: 260-19/PL01/HĐTC-BD ngày 28/10/2020; Hợp đồng thế chấp số 079-20/HĐTC-BD ngày 19/5/2020 và Hợp đồng sửa đổi số 079-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020; Hợp đồng thế chấp số 080-20/HĐTC-BD ngày 19/5/2020 và các hợp đồng sửa đổi số 080-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020

Bị đơn Công ty TNHH T4 do ông Trần Mậu T6 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đồng ý thanh toán cho Ngân hàng 85% của số tiền nợ gốc (87.684.999.916 đồng) và đề nghị ngân hàng không tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi phạt trong trong thời gian dịch covid 19 bùng phát từ tháng 5/2021 cho đến thời điểm hiện nay.

Xét Hợp đồng tín dụng số HTTD540202000291 cùng các phụ lục hợp đồng số PL01HDTD540202000291 ngày 13/11/2020, PL02HDTD540202000291 ngày 27/07/2021, PL03HDTD540202000291 ngày 27/01/2022 ký giữa Ngân hàng Bưu điện L và công ty T4 là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Các hợp đồng thế chấp giữa ngân hàng và là tự nguyện giữa các bên, đúng quy định pháp luật, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm.

Về các khoản tiền lãi: Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTATC quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

"1. *Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.*

2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất".

Do đó các khoản tiền lãi mà ngân hàng buộc bị đơn trả là có căn cứ. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa một phần bản án sơ thẩm là chưa phù hợp; yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp.

[3 Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4.

2.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L số nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số HDTD540202000291 ngày 28/10/2020, cùng các Phụ lục hợp đồng số PL01HDTD540202000291 ngày 13/11/2020, PL02HDTD540202000291 ngày 27/07/2021, PL03HDTD540202000291 ngày 27/01/2022 tính đến ngày 24/5/2023 là 106.251.532.783 đồng (một trăm lẻ sáu tỷ, hai trăm năm mươi mốt triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 87.684.999.916 đồng (tám mươi bảy tỷ, sáu trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm mười sáu đồng), lãi trong hạn: 6.991.722.022 đồng (sáu tỷ, chín trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, không trăm hai mươi hai đồng), lãi quá hạn: 11.120.989.955 đồng (mười một tỷ, một trăm hai mươi triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi lăm đồng) và lãi phạt: 453.820.890 đồng (bốn trăm năm mươi ba triệu, tám trăm hai mươi nghìn, tám trăm chín mươi đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 25/5/2023 cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng đất diện tích 505m^2, thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 26-3 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 260-19/HĐTC-BD ngày 30/12/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 260-19/PL01/HĐTC-BD ngày 28/10/2020.

Quyền sử dụng đất diện tích 102,10m^2 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 143-19/HĐTC-BD ngày 07/08/2019. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà kết cấu 01 trệt 01 lầu, tường gạch xây tô, mái tole, nền gạch men.

Quyền sử dụng đất diện tích 288,2m^2, thuộc thửa đất số 207 tờ bản đồ số 24, tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 387-18/HĐTC-BD ngày 06/03/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 387-18/PL01/HĐTC-BD ngày 22/11/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 387-18/PL02/HĐTC-BD ngày 04/08/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch xây tô+vách tole, mái tole, nền gạch men.

Quyền sử dụng đất diện tích 89,6 thuộc thửa đất số 216 tờ bản đồ số 24, tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 044-19/HĐTC-BD ngày 20/03/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 044-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/03/2020 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 044-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4,

kết cấu tường gạch xây, nền xi măng, mái tole; phía trước nhà có 01 mái che tole, cột sắt.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 177,3m^2 thuộc thửa đất số 217 tờ bản đồ số 24, tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 045-19/HĐTC-BD ngày 20/03/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 045-19/PL01/HĐTC-BD ngày 19/03/2020 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 045-19/PL02/HĐTC-BD ngày 28/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch xây tô, mái ngói, nền gạch men.

Quyền sử dụng đất diện tích 150m^2 tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 15 tại số 260 đường 30/4, phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 079-20/HĐTC-BD ngày 19/05/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 079-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà kết cấu móng cột khung: gạch, nền gạch hoa, vách gạch, mái tole.

Quyền sử dụng đất diện tích 154m^2 tại thửa đất số 65 (87) và thửa 66, tờ bản đồ số 15 tại phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 079-20/HĐTC-BD ngày 19/05/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 079-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 kết cấu mái tole, nền gạch men, tường gạch

Quyền sử dụng đất diện tích 150m^2 tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 77 tại phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 080-20/HĐTC-BD ngày 19/05/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 080-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 kết cấu: Tường gạch, mái tole, nền gạch men.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62(86), diện tích 201m^2, tờ bản đồ số 15 tại khu 12, phường C, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 080-20/HĐTC-BD ngày 19/5/2020, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 080-20/PL01/HĐTC-BD ngày 30/10/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà tiền chế kết cấu: cột sắt, kèo sắt, mái tole, nền gạch men.

Quyền sử dụng đất diện tích 512,2m^2 thuộc thửa đất số 1129, tờ bản đồ 06-1 tại phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC540202000203 ngày 04/11/2020. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp III diện tích xây dựng 201,71m^2, diện tích sàn 843,37m^2, kết cấu: tường gạch xây tô, nền gạch men, mái ngói. Xung quanh khu đất có tường rào, cổng xây cố định.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 phải nộp 214.251.533 đồng (hai trăm mười bốn triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng). Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L số tiền 100.252.000 đồng (một trăm triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000195 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu, được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003125 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T1;
- TAND thành phố T1,;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ H;
Tòa K

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đặng Văn Chum